

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 436/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2022; bản tự khai ngày 12/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Huy T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2007 tại UBND xã E, huyện F, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P. Đến tháng 01/2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Huy T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/02/2009. Hiện tại con chung đang sống cùng với ông T. Khi ly hôn, bà T giao con chung cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt cho ông T các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và cũng không có văn bản gửi Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T. Ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Nhận thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữ bà T và ông T là trầm trọng, bà T không còn tình cảm với ông T và đã sống ly thân ông T từ tháng 01/2021 đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung, khi ly hôn bà T đồng ý giao con chung cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1tháng, cháu Nguyễn Tấn P cũng có nguyện vọng được sống cùng ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với ông Nguyễn Huy T. Ông T có địa chỉ tạm trú tại A khu phố B, phường C, thành phố D, Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa bà T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện F, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 01, cấp ngày 05/12/2007 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình

sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến tháng 01/2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó bà T khởi kiện ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng ông T vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Xét, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần giải quyết ly hôn cho bà T và ông T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P sinh ngày 23/02/2009. Hiện nay cháu P đang sống cùng với ông T. Khi ly hôn bà T đồng ý giao con chung cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Tại Đơn trình bày tự nguyện ngày 13/7/2022, cháu Nguyễn Tấn P có nguyện vọng là mong muốn được sống cùng với ông T. Do đó, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt và tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu nên cần giao cháu Nguyễn Tấn P cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với ông Nguyễn Huy T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Nguyễn Huy T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Huy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/02/2009. Bà Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Bùi Thị T lạm dụng việc thăm nom

con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Huy T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Bùi Thị T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004060, ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Huy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

